

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ L
TỈNH Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **07/2020/DS-ST**

Ngày: 25-6-2020

V/v “Tranh chấp hợp đồng mua bán
tài sản (yêu cầu thực hiện nghĩa vụ
trả tiền)”

**‘NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L - TỈNH Đ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đăng Tổ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Văn Khánh

Ông Hoàng Thanh Tâm

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Đào - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh Đ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Chính - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 198/2018/TLST-DS ngày 23 tháng 8 năm 2018, về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản (yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền)” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2020/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2020/QĐST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1963; nơi cư trú: Số nhà 56, đường Hoàng Diệu, Khu phố 2, phường X, thành phố L, tỉnh Đ.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà **Phạm Thị V**, sinh năm 1959; địa chỉ: Số 50A, Nguyễn Du, Khu phố 1, phường X, thành phố L, tỉnh Đ (*Theo Giấy ủy quyền đề ngày 24-9-2019*).

- ***Bị đơn:*** Anh **Phan Quốc K**, sinh năm 1981; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 66 (số cũ 538) Tô Hiến Thành, Khu phố 3, phường Xuân Hòa, thành phố L, tỉnh Đ; nơi cư trú: Tổ 6, Ấp B, xã B, thành phố L, tỉnh Đ.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Ông **Mã Văn T**, sinh năm 1962 (cư trú cùng địa chỉ với nguyên đơn).

(Bà V, ông T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh K vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14-8-2018, các lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L (do bà Phạm Thị V đại diện) trình bày, tranh luận:

Năm 2015, bà Nguyễn Thị L là chủ đại lý thức ăn gia súc, gia cầm “Lan Sầu”, có địa chỉ tại: Tổ 3, Ấp 18 Gia Đình, xã B, thị xã L, tỉnh Đ, là hộ kinh doanh cá thể.

Trong thời gian làm chủ đại lý, bà L có thỏa thuận bán cám chăn nuôi heo cho anh Phan Quốc K, sinh năm 1981; cư trú tại: Tổ 6, Ấp B, xã B, thành phố L, tỉnh Đ, thời gian các bên thỏa thuận mua bán khoảng 05 tháng. Người trực tiếp giao cám là anh Nguyễn Văn Phụng, sinh năm 1966; địa chỉ: Tổ 6, Ấp B, xã B, thành phố L, tỉnh Đ. Phương thức thanh toán theo từng đợt, bà L bán cám cho anh K từ khi mua heo giống cho đến khi xuất heo bán thì thanh toán tiền cám một lần. Anh K thực hiện mua bán cám với bà L hai tháng liên tục. Tuy nhiên, do nhận thấy, trong thời gian anh K mua cám, có xuất heo bán nhưng không thanh toán tiền cám, nên đến giữa năm 2015 (không nhớ rõ thời gian), thì bà L không tiếp tục mua bán cám với anh K nữa, số tiền anh K còn nợ bà L khi các bên chấm dứt mua bán là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng).

Vào tháng 01-2017, anh K thanh toán được 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), còn nợ 180.000.000đ (Một trăm tám mươi triệu đồng) và có cam kết bằng miệng là sẽ thanh toán hết số tiền nợ vào cuối năm 2017.

Đến ngày 22-12-2017, bà L yêu cầu anh K trả tiền theo cam kết nhưng anh K chỉ thanh toán được số tiền 10.000.000đ, còn nợ 170.000.000đ và tiếp tục cam kết đến tháng 03-2018 sẽ thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ. Bà L yêu cầu anh K viết giấy nhận nợ và cam kết trả nợ với nội dung như đã nêu trên. Tại Công ty Luật L, anh K đã viết giấy nhận nợ và giao cho bà L giữ bản chính tài liệu này.

Tháng 03-2018, bà L tiếp tục yêu cầu anh K thanh toán, trong thời gian này, do bận công việc nên bà L ủy quyền cho bà V đại diện để yêu cầu anh K trả số tiền còn nợ. Tại Công ty Luật L, anh K đã thực hiện thanh toán được số tiền 20.000.000đ, còn nợ số tiền 150.000.000đ, đây cũng là lý do tại giấy nhận nợ ngày 20-5-2018, anh K viết “Tôi tên Phan Quốc K có gửi cho cô V (công ty luật LK) số tiền 20.000.000đ”. Trên thực tế số tiền 20.000.000đ anh K trả theo giấy nhận nợ đề ngày 20-5-2018 là bà V nhận thay bà L. Số tiền còn lại, anh K nhiều lần hứa hẹn nhưng đều không thực hiện thanh toán, và cố tình né tránh, dấu địa chỉ không cho bà L biết.

Nay, nguyên đơn bà L yêu cầu bị đơn anh K có nghĩa vụ thanh toán trả số tiền nợ còn lại trong hợp đồng mua bán thức ăn gia súc là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng). Đối với số tiền chi phí tố tụng mà nguyên đơn đã tạm ứng nộp là 8.000.000đ (Tám triệu đồng), nguyên đơn yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ hoàn lại.

Bị đơn anh Phan Quốc K mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng trong quá trình chuẩn bị xét xử không có ý kiến, vắng mặt tại các phiên hòa giải, đồng thời vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

Tại bản tự khai ngày 21-02-2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Mã Văn T trình bày, tranh luận:

Ông T là chồng của bà Nguyễn Thị L. Từ năm 2015, ông bà có thỏa thuận mua bán cám heo với anh Phan Quốc K, việc mua bán được thực hiện theo hình thức gởi đầu, bà L là người trực tiếp đứng ra giao dịch. Mặc dù bà L đã cung cấp đầy đủ số lượng cám cho anh K nhưng anh K không thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Do anh K mua bán không có uy tín, nên bà L đã chấm dứt thỏa thuận mua bán với anh K.

Cho đến nay, anh K còn nợ số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng). Nay bà L yêu cầu anh K thanh toán số tiền nợ 150.000.000đ, ông đồng ý với yêu cầu của bà L, không có ý kiến gì khác.

Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay, đảm bảo khách quan, vô tư, đúng quy định của pháp luật. Riêng đối với bị đơn không chấp hành giấy triệu tập, giấy báo của Tòa án, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa không có ý kiến trả lời đối với yêu cầu của nguyên đơn, vì vậy Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ để xét xử vụ án là đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn Phan Quốc K phải có nghĩa vụ thanh toán trả cho nguyên đơn số tiền nợ 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng). Về chi phí tố tụng: Đề nghị buộc bị đơn hoàn trả cho nguyên đơn số tiền chi phí tố tụng 8.000.000đ. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu anh Phan Quốc K có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ trong hợp đồng mua bán thức ăn gia súc. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết trong vụ án này là: “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản (yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền)” theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Qua xác minh tại chính quyền địa phương và làm việc với người thân thích của anh Phan Quốc K (bà Nguyễn Thị Bích Thuận là mẹ ruột của anh K), xác định nơi cư trú của anh K như sau: Anh K đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Khu phố 3, phường Xuân Hòa, thành phố L, tỉnh Đ. Tuy nhiên, từ khoảng hơn mười năm nay, anh K xây dựng chuồng heo và sinh sống tại: Tổ 6, ấp B, xã B, thành phố L, tỉnh Đ. Do việc chăn nuôi heo bị thua lỗ, nên từ khoảng tháng 4-2019, anh K đã đi nơi khác sinh sống, chính quyền địa phương cũng như những người thân thích trong gia đình đều không nắm được hiện nay anh K làm gì, ở đâu. Theo bà Thuận (mẹ ruột anh K) thì, anh K vẫn liên hệ với gia đình, có nói đi làm ăn xa, kiếm tiền để về trả nợ. Như vậy, có căn cứ xác định, bị đơn liên tục thay đổi nơi cư trú mà không thông báo với người khởi kiện biết, cố tình giấu địa chỉ; nguyên đơn đã cung cấp đúng địa chỉ mới của bị đơn mà nguyên đơn biết

được gần nhất tính đến thời điểm khởi kiện tại: Tổ 6, ấp B, xã B, thành phố L, tỉnh Đ là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Trên cơ sở đó, Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại địa chỉ nêu trên là đảm bảo bị đơn biết được việc bị kiện.

[3] Về tư cách tham gia tố tụng: Số tiền anh K còn nợ (nếu có) là thuộc sở hữu chung của ông T và bà L, nên việc giải quyết vụ án, liên quan đến quyền và nghĩa vụ của ông T. Do đó, Tòa án đưa ông Mã Văn T vào tham gia tố tụng trong vụ án này với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà V, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng các đương sự trong vụ án theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ trong hợp đồng mua bán tài sản (thức ăn gia súc) số tiền là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng). Nguyên đơn xuất trình bản chính các tài liệu là: 01 (Một) Tài liệu không có tiêu đề, có ghi ngày 22-12-2017, có nội dung bắt đầu và kết thúc: “*Tôi tên: Phan Quốc K thường trú số 538, khu phố 3....Tôi hứa qua đầu tháng 3 năm 2018 xẻ trả hết 170.000.000đ. Xai tôi chịu hoàn toàn trách nhiệm*”, dưới phần mục “*ký tên*” có chữ viết và chữ ký ghi họ và tên “Phan Quốc K”; 01 (Một) Tài liệu không có tiêu đề, màu mực đen, có ghi ngày 20-5-2018, có nội dung bắt đầu và kết thúc: “*Tôi tên Phan Quốc K có gởi cho cô V....còn 150000000 một trăm năm mươi triệu*”, cuối tài liệu, có phần chữ ký và chữ viết ghi họ và tên “Phan Quốc K”. Theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án đã thực hiện giám định chữ ký, chữ viết trên các tài liệu do nguyên đơn cung cấp.

[6] Tại Kết luận giám định số 1943/C09B ngày 03-6-2019 của Phân Viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh xác định: “Chữ ký đứng tên Phan Quốc K dưới phần mục “*ký tên*” và chữ viết trên tài liệu cần giám định có nội dung: “*Tôi tên: Phan Quốc K thường trú 538, khu phố 3...Xai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm*” (ký hiệu A) so với chữ ký, chữ viết đứng tên Phan Quốc K trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M là do cùng một người ký và viết ra.

[7] Tại Kết luận giám định số 4608/C09B ngày 31-10-2019 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh xác định: “Chữ ký, chữ viết trên toàn bộ tài liệu có nội dung bắt đầu và kết thúc: “*Tôi tên Phan Quốc K Thường trú 538....Phan Quốc K*” (ký hiệu A1); tài liệu có nội dung bắt đầu và kết thúc “*Hôn nay 20/5/2018....Phan Quốc K*” đề ngày 20/5/2018 (Ký hiệu A2) so với chữ ký, chữ viết dùng làm mẫu so sánh đứng tên Phan Quốc K trên các tài liệu từ M1 đến M12 là do cùng một người ký, viết ra”.

[8] Như vậy, lời khai của nguyên đơn về quá trình thỏa thuận mua bán, thực hiện nghĩa vụ thanh toán giữa nguyên đơn, bị đơn; đồng thời xác định, đến thời điểm này bị đơn còn nợ số tiền 150.000.000đ theo như nội dung xác nhận nợ của bị đơn Phan Quốc K trên các tài liệu do nguyên đơn xuất trình là có thật. Nguyên

đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn trả tiền nhưng bị đơn không thực hiện. Vì vậy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại khoản 3 Điều 434 và khoản 1 Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[9] Bị đơn anh Phan Quốc K đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, trong đó có Thông báo về việc yêu cầu cung cấp lời khai và được ấn định thời hạn giao nộp chứng cứ nhưng anh K không thực hiện, tự từ bỏ quyền của đương sự. Do đó, anh K phải chịu hậu quả của việc không thực hiện nghĩa vụ chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[10] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) cho nguyên đơn.

[11] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) (150.000.000đ x 5%) theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

[12] Về chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã tạm ứng chi phí giám định chữ ký, chữ viết số tiền 8.000.000đ (Tám triệu đồng), kết quả giám định chứng minh yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ. Vì vậy, cần buộc bị đơn phải có nghĩa vụ hoàn lại cho nguyên đơn số tiền chi phí tố tụng nêu trên theo quy định tại khoản 2 Điều 161 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[13] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 161; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 228; Điều 235; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 280; Điều 357; Điều 430; khoản 3 Điều 434; Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản (yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền)” với bị đơn anh Phan Quốc K.

Buộc bị đơn Phan Quốc K có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Nguyễn Thị L số tiền còn nợ là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng).

2. Về chi phí tố tụng: Anh Phan Quốc K có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền chi phí giám định 8.000.000đ (Tám triệu đồng).

3. Về án phí: Anh Phan Quốc K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 7.500.000đ (Bảy triệu năm năm nghìn đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án. Lãi suất chậm trả tiền do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; trường hợp không thỏa thuận được thì thực hiện theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị L số tiền 3.750.000đ (Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí tại Biên lai thu tiền số 002773 ngày 20-8-2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L (nay là thành phố L).

4. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố L;
- Chi cục THA thành phố L;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Đăng Tố

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Đăng Tổ

